| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỦY NGUYÊN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 09-5-2024<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Minh Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Hoàng Đức Cảnh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N; ĐKTT: Thôn 11, xã N1, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: Thôn 1, xã M, huyện T1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; Nơi cư trú: Thôn 11, xã N1, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 4 năm 2020. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh T ở thôn 11, xã N1, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh T mải chơi lô, đề, cá

độ bóng đá làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị có góp ý nhưng anh T không tiếp thu sửa chữa nên vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên nội, ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, nên từ tháng 9 năm 2021 đến nay chị đã bỏ về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở thôn 1, xã M, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Từ khi chị bỏ đi đến nay, nhiều lần anh T đến tìm chị nhưng không lần nào chị về đoàn tụ cùng anh T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2020. Từ khi chị bỏ đi đến nay, con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 3 năm 2024, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Nguyễn Thị N theo như lời khai chị N đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 9 năm 2021 đến nay, chị N đã bỏ về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị N ở thôn1, xã M, huyện T1, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có một con chung theo như chị N đã khai là đúng, từ khi chị N bỏ đi đến nay, con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn T; Giao con chung Bùi Gia B, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2020 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Văn T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Văn T hiện đang cư trú tại thôn 11, xã N1, huyện T, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N1, huyện T1, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 4 năm 2020, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, hai bên đã cư trú mỗi người một nơi từ năm 2021 đến nay không quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2020, hiện tại con chung do anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại chị N là giáo viên mầm non còn anh T là công nhân nên chị N và anh T đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị N và anh T đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Xét

thấy, quan điểm của chị N và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Gia B, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2020 cho anh Bùi Văn T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009811 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H Thủy Nguyên;
- UBND xã N1, huyện T1, HP (ĐKKH ngày 23 tháng 4 năm 2020);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Minh Huế**